SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Số: 3395/QĐ-BVC

Sông Công, ngày 10 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế chuyên khoa Răng hàm mặt năm 2026-2027 của Bệnh viện C.

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN C

Căn cứ Luật đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật 90/2025/QH15;

Căn cứ các Nghị định số 214/2024/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 349/2026/NĐ-CP ngày 09/9/2026 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định 98/2022/NĐ-CP ngày 08/11/2022 của Chính phủ về Quản lý trang thiết bị y tế; Số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ về việc quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ – UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-BVC ngày 09 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện C Thái Nguyên về việc phê duyệt dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế chuyên khoa Răng hàm mặt năm 2026-2027 của Bệnh viện C;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Biên bản thống nhất nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế chuyên khoa Răng hàm mặt năm 2026-2027 của Bệnh viện C.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế chuyên khoa Răng hàm mặt năm 2026-2027 của Bệnh viện C với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Hội đồng đấu thầu chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Hội đồng đấu thầu chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 2;
- Người có thẩm quyền;
- Lưu: VT, VTTBYT(Dungnd)

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN C

Lê Thị Thanh Bình

PHỤ LỤC 01: KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua vật tư y tế chuyên khoa Răng hàm mặt năm 2026-2027 của Bệnh viện C.

(Kèm Quyết định số 3395 */QĐ-BVC ngày 10 tháng 11 năm 2026 của Bệnh viện C)*

STT	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu[3]		Giá gói thầu	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện C	Mua vật tư y tế chuyên khoa Răng hàm mặt năm 2026-2027 của Bệnh viện C.	Mua 62 mặt hàng vật tư y tế phục vụ chuyên khoa Răng hàm mặt	226.825.500	Nguồn thu dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh	Chào giá trực tuyến theo quy trình rút gọn		60 ngày	Tháng 11 năm 2026	Trọn gói	15 tháng	Không
Tổng giá gói thầu				**226.825.500 đồng (Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm đồng./.)**								

PHỤ LỤC 02: DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Quyết định số 3395 /QĐ-BVC ngày 10 /11/2026 của Bệnh viện C)

STT	Tên hàng hoá	Cấu hình - Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền VNĐ	Ký mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tham khảo		
								Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ
1	Fuji 9	- Xi măng glass ionomer phục hồi răng sau có cản quang, dùng để trám và phục hồi răng.	1 lọ 15g bột + 1 lọ 8g nước	Hộp	4	1.375.000	5.500.000	004426	GC Corporation Fuji Oyama Factory	Nhật Bản
2	Fuji 1	- Xi măng glass ionomer tự đông, cản quang, dùng chủ yếu để gắn cố định phục hình nha khoa. Sản phẩm có khả năng liên kết hóa học với mô răng và kim loại.	1 lọ bột 35g+1 lọ nước	Hộp	2	1.750.000	3.500.000	002503	GC Corporation Fuji Oyama Factory	Nhật Bản
3	Fuji 2	Vật liệu trám răng chuyên dùng cho các xoang trám không chịu lực lớn hoặc trám cổ răng	Hộp 2 lọ gồm 5g bột + 2.6ml dung dịch	Hộp	4	1.200.000	4.800.000	GC GOLD LABEL 2	GC Corporation Fuji Oyama Factory	Nhật Bản
4	Composite lỏng	Vật liệu composite Nano-Hybrid, các màu Công dụng: - Phục hồi các xoang sâu - Sửa chữa các vật liệu làm phục hình tạm - Trám bít hố rãnh	Hộp 2 tuýp, tuýp 2g	Tuýp	20	210.000	4.200.000	Nexcomp Flow A1; Nexcomp Flow A2; Nexcomp Flow A3; Nexcomp Flow A3.5	Meta Biomed Co., Ltd	Hàn Quốc
5	Composite đặc	Vật liệu Composite trám răng đa năng (universal), dùng cho cả răng trước và răng sau. Sản phẩm sở hữu độ bền uốn cao với cường độ chịu nén vượt trội, hàm lượng chất độn chiếm 77% trọng lượng. Các màu	Gói 1 tuýp 4g	Tuýp	5	367.500	1.837.500	Luna/ 8401081; 8401082; 8401083	SDI Limited	Úc
6	Chất hàn răng	Chất xử lý bề mặt men răng và ngà răng, chứa 37% Phosphoric Acid	Hộp 3 tuýp, tuýp 3g	Tuýp	4	88.000	352.000	Meta Etchant	Meta Biomed Co., Ltd	Hàn Quốc
7	Keo dán nha khoa	Keo dán có độ bền liên kết lâu dài, hầu như không gây ê buốt sau điều trị.	Lọ 5ml	Lọ	4	1.606.000	6.424.000	41282	3M Deutschland GmbH	Đức

STT	Tên hàng hoá	Cấu hình - Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền VNĐ	Ký mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tham khảo		
								Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ
8	Chổi quét keo	Các đầu cọ dùng một lần được sử dụng để nhanh chóng đưa một lượng nhỏ vật liệu vào những vị trí khó tiếp cận. Các đầu cọ có khả năng chống lại các loại dung môi thường gặp trong các vật liệu nha khoa.	Hộp 100 cái	Hộp	4	170.000	680.000	8100116	SDI Limited	Úc
9	Kim tiêm nha khoa 27 G	-Kích thước (G): 27G -Đường kính ngoài: 0.4 mm. -Chiều dài kim: 21mm, 30mm -Chất liệu: Thép không gỉ và nhựa polypropylene. - Màu: Xám nhạt. Khử trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO). - Đầu kim siêu nhỏ, hạn chế cảm giác khó chịu và ít gây đau cho bệnh nhân. -Kim có độ bền cao, khó gãy. - Có hình ảnh mũi tên trên trục kim, giúp căn chỉnh góc xiên của kim để đưa kim vào dễ dàng hơn. -Đóng gói riêng biệt. -Sản xuất tại G7 - TCCL: ISO 13485,CE	Hộp 100 cái	Cái	500	2.700	1.350.000	DN*M2721; DN*M2730	Tomobe Plant of AIR WATER REALIZE INC	Nhật Bản
10	Kim tiêm nha khoa 30 G	-Kích thước (G): 30G -Đường kính ngoài: 0.3 mm. -Chiều dài kim: 21mm, 16mm -Chất liệu: Thép không gỉ và nhựa polypropylene. - Màu: Vàng. Khử trùng bằng khí Ethylene Oxide (EO). - Đầu kim siêu nhỏ, hạn chế cảm giác khó chịu và ít gây đau cho bệnh nhân. -Kim có độ bền cao, khó gãy. - Có hình ảnh mũi tên trên trục kim, giúp căn chỉnh góc xiên của kim để đưa kim vào dễ dàng hơn. -Đóng gói riêng biệt. -Sản xuất tại G7 - TCCL: ISO 13485,CE	Hộp 100 cái	Cái	500	2.700	1.350.000	DN*M3016; DN*M3021	Tomobe Plant of AIR WATER REALIZE INC	Nhật Bản
11	Guttapercha 20.04	Kích thước đầu côn (ISO): #20 (0,20 mm). Độ thuôn: 4%	Hộp 60 cái	Hộp	6	220.000	1.320.000	Gutta percha (04-LM-20)	Meta Biomed Co., Ltd	Hàn Quốc

STT	Tên hàng hoá	Cấu hình - Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền VNĐ	Ký mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tham khảo		
								Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ
12	Guttapercha 25.04	Kích thước đầu côn (ISO): #25 (0,25 mm). Độ thuôn: 4%	Hộp 60 cái	Hộp	6	220.000	1.320.000	Gutta percha (04-LM-25)	Meta Biomed Co., Ltd	Hàn Quốc
13	Guttapercha 25.06	Kích thước đầu côn (ISO): #25(0,25 mm). Độ thuôn: 6%	Hộp 60 cái	Hộp	6	220.000	1.320.000	Gutta percha (06-LM-25)	Meta Biomed Co., Ltd	Hàn Quốc
14	File máy 20.04 (21mm)	Kích thước đầu trâm (ISO): #20 (0,20 mm). Độ thuôn: 4% (0,04 mm/mm). Chất liệu: Hợp kim Nickel-Titanium (NiTi). Chiều dài 21mm	Vỉ 4 mũi	vỉ	15	970.000	14.550.000	Blue T1 Refill 21mm	Chengdu Sani Medical Equipment Co., Ltd	Trung Quốc
15	File máy 20.04 (25mm)	Kích thước đầu trâm (ISO): #20 (0,20 mm). Độ thuôn: 4% (0,04 mm/mm). Chất liệu: Hợp kim Nickel-Titanium (NiTi). Chiều dài 25mm	Vỉ 4 mũi	vỉ	15	970.000	14.550.000	Blue T1 Refill 25mm	Chengdu Sani Medical Equipment Co., Ltd	Trung Quốc
16	File máy 25.04 (21mm)	Kích thước đầu trâm (ISO): #25 (0,25 mm). Độ thuôn: 4% (0,04 mm/mm). Chất liệu: Hợp kim Nickel-Titanium (NiTi). Chiều dài 21mm	Vỉ 4 mũi	vỉ	15	970.000	14.550.000	Blue T1.5 Refill 21mm	Chengdu Sani Medical Equipment Co., Ltd	Trung Quốc
17	File máy 25.04 (25mm)	Kích thước đầu trâm (ISO): #25 (0,25 mm). Độ thuôn: 4% (0,04 mm/mm). Chất liệu: Hợp kim Nickel-Titanium (NiTi). Chiều dài 25mm	Vỉ 4 mũi	vỉ	15	970.000	14.550.000	Blue T1.5 Refill 25mm	Chengdu Sani Medical Equipment Co., Ltd	Trung Quốc
18	File máy 30.04 (25 mm)	Kích thước đầu trâm (ISO): #30 (0,30 mm). Độ thuôn: 4% (0,04 mm/mm). Chất liệu: Hợp kim Nickel-Titanium (NiTi). Chiều dài 25mm	Vỉ 4 mũi	vỉ	10	970.000	9.700.000	Blue T2.5 Refill 25mm	Chengdu Sani Medical Equipment Co., Ltd	Trung Quốc
19	Edta (bôi trơn ống tủy)	Thành phần chính: EDTA. Bôi trơn trâm, hỗ trợ loại bỏ lớp mùn ngà và làm sạch ống tủy.	Hộp/2 tuýp,tuýp/7g	Tuýp	100	230.000	23.000.000	MD-ChelCream	Meta Biomed Co., Ltd	Hàn Quốc
20	K file 8 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	21mm # 08	Mani	Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Cấu hình - Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền VNĐ	Ký mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tham khảo		
								Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ
21	K file 8 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	25mm # 08	Mani	Việt Nam
22	K file 10 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	21mm # 10	Mani	Việt Nam
23	K file 10 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	25mm # 10	Mani	Việt Nam
24	K file 15 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	21mm # 15; 21mm # 15~40	Mani	Việt Nam
25	K file 15 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	25mm # 15; 25mm # 15~40	Mani	Việt Nam
26	K file 20 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	15	160.000	2.400.000	21mm # 20	Mani	Việt Nam
27	K file 20 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	15	160.000	2.400.000	25mm # 20	Mani	Việt Nam
28	K file 25 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	15	160.000	2.400.000	21mm # 25	Mani	Việt Nam
29	K file 25 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	15	160.000	2.400.000	25mm # 25	Mani	Việt Nam
30	D file 8 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	170.000	3.400.000	21mm # 08	Mani	Việt Nam
31	D file 8 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	170.000	3.400.000	25mm # 08	Mani	Việt Nam
32	D file 10 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	170.000	3.400.000	21mm # 10	Mani	Việt Nam
33	D file 10 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	170.000	3.400.000	25mm # 10	Mani	Việt Nam
34	H file 8 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	21mm # 08	Mani	Việt Nam
35	H file 8 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	25mm # 08	Mani	Việt Nam
36	H file 10 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	21mm # 10	Mani	Việt Nam
37	H file 10 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	25mm # 10	Mani	Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Cấu hình - Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền VNĐ	Ký mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tham khảo		
								Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ
38	H file 15 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	21mm # 15	Mani	Việt Nam
39	H file 15 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	20	160.000	3.200.000	25mm # 15	Mani	Việt Nam
40	H file 20 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	15	160.000	2.400.000	21mm # 20	Mani	Việt Nam
41	H file 20 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	15	160.000	2.400.000	25mm # 20	Mani	Việt Nam
42	H file 25 (21 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	15	160.000	2.400.000	21mm # 25	Mani	Việt Nam
43	H file 25 (25 mm)	Chất liệu: Thép không gỉ (Stainless Steel)	Hộp 6 cây	Hộp	15	160.000	2.400.000	25mm # 25	Mani	Việt Nam
44	Lentulo	Kim đưa chất hàn răng vào ống tủy số (25-40) dài 21mm	Hộp 4 cây	Hộp	15	171.000	2.565.000	21mm # 25; 21mm # 30; 21mm # 35; 21mm # 40; 21mm # 25~40	Mani	Việt Nam
45	Trâm Gai lấy tủy 15	Chất liệu: Thép không gỉ.	Hộp 6 cây	Hộp	20	95.000	1.900.000	21mm #1; 21mm #2; 21mm #3; 21mm #4; 21mm #5; 21mm #6; 21mm 2-4; 21mm 1-6	Mani	Việt Nam
46	Trâm Gai lấy tủy 20	Chất liệu: Thép không gỉ.	Hộp 6 cây	Hộp	20	95.000	1.900.000	21mm #1; 21mm #2; 21mm #3; 21mm #4; 21mm #5; 21mm #6; 21mm 2-4; 21mm 1-6	Mani	Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Cấu hình - Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền VNĐ	Ký mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tham khảo		
								Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ
47	Trâm Gai lấy tủy 25	Chất liệu: Thép không gỉ.	Hộp 6 cây	Hộp	20	95.000	1.900.000	21mm #1; 21mm #2; 21mm #3; 21mm #4; 21mm #5; 21mm #6; 21mm 2-4; 21mm 1-6	Mani	Việt Nam
48	Mũi khoan trụ TF - 21F	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	vỉ	8	190.000	1.520.000	TF-21F	Mani	Việt Nam
49	Mũi khoan trụ TR - 13F	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	vỉ	8	190.000	1.520.000	TR-13F	Mani	Việt Nam
50	Mũi khoan PRO - 3F	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	vỉ	5	190.000	950.000	PRO-3F	Mani	Việt Nam
51	Mũi khoan trụ CE-16EF	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	vỉ	5	190.000	950.000	CE-16EF	Mani	Việt Nam
52	Mũi khoan trụ TR-11EF	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	vỉ	5	190.000	950.000	TR-11EF	Mani	Việt Nam
53	Mũi khoan trụ TR- 13C	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	vỉ	8	190.000	1.520.000	TR-13C	Mani	Việt Nam
54	Mũi khoan trụ TF-S21C	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	vỉ	5	190.000	950.000	TF-S21C	Mani	Việt Nam
55	Mũi khoan trụ TF-11SC	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	vỉ	5	190.000	950.000	TF-11C	Mani	Việt Nam
56	Mũi khoan PRO - S3	Chất liệu: Thép không gỉ Công dụng: Khoan, mài răng	Vỉ 5 mũi	Vỉ	5	190.000	950.000	PRO-S3	Mani	Việt Nam
57	Ống hút nước bọt	Dùng để hút nước bọt và dịch trong nha khoa	Bao 100 cái	Gói	20	105.000	2.100.000	OH01	Công ty TNHH Trang thiết bị Y tế Thời Thanh Bình	Việt Nam

STT	Tên hàng hoá	Cấu hình - Thông số kỹ thuật	Quy cách	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền VNĐ	Ký mã hiệu, hãng sản xuất, xuất xứ tham khảo		
								Ký mã hiệu	Hãng sản xuất	Xuất xứ
58	Guttapercha 30.04	Dùng trám răng	Hộp 60 cái	Hộp	6	94.500	567.000	Gutta Percha Points	Công ty TNHH Pearl Dent	Việt Nam
59	Côn giấy 20.04	• Kích cỡ chóp (Size): Số 20 (định dạng mã màu Vàng tiêu chuẩn quốc tế ISO ở phần đuôi côn). • Độ thuôn (Taper): 0.04 (4%)	Hộp 100 cái	Hộp	10	110.000	1.100.000	Absorbent Paper Points	Công ty TNHH Pearl Dent	Việt Nam
60	Côn giấy 25.04	• Kích cỡ chóp (Size): Số 25 (định dạng mã màu Đỏ tiêu chuẩn quốc tế ISO ở phần đuôi côn). • Độ thuôn (Taper): 0.04 (4%)	Hộp 100 cái	Hộp	10	110.000	1.100.000	Absorbent Paper Points	Công ty TNHH Pearl Dent	Việt Nam
61	Dung dịch CHX	Dung dịch sát khuẩn giai đoạn cuối, đạt hiệu quả diệt vi khuẩn kháng thuốc	Lọ 480ml	Lọ	2	2.800.000	5.600.000	CanalPro CHX-ULTRA	Coltene	Mỹ
62	Dầu tay khoan	Dầu xịt chuyên dụng dùng để bảo dưỡng, làm sạch nhanh và bôi trơn các bộ phận cơ khí chuyển động bên trong tay khoan nha khoa	Lọ 550ml	Lọ	4	445.000	1.780.000	Hi clean spray	Clint Metal Enterprise Co., Ltd	Đài Loan
	Tổng cộng (62 mặt hàng)						**226.825.500**			
Bằng chữ: Hai trăm hai mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi lăm nghìn, năm trăm đồng./.										